TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày: 29/9/2017
"V/v tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Tân** và ông **Đào Duy Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Hương Sen** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 32/2017/TLST-DS ngày 16/5/2017 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXX-ST ngày 11/9/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-DS ngày 21/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: Vương Thị T), sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Chị **Vương Thị Ch**; sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu 1, phường HT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Bị đơn: Ông **Vương Văn C**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn tại Tòa án trình bày: Cụ Vương Thị L là người thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương không có chồng con và là chủ sử dụng diện tích đất 216m2 (đất ở 144m2, đất trồng cây lâu năm 70m2) tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 01 được UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H907/TH2-GL ngày 22/9/2006. Ngày 20/6/2006 cụ L có lập di chúc tại UBND xã TH trước sự chứng kiến của ông Vương Văn B (trưởng thôn) với nội dung định đoạt quyền sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ số 01 cho con nuôi là bà Vương Thị T và cháu là ông Vương Văn C mỗi người ½ diện tích đất cụ thể mỗi bên được 72m2 đất ở và

36m2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 25/7/2006 cụ L chết nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Vương Văn C giữ, mặc dù bà T đã nhiều lần gặp gỡ đề nghị cung cấp giấy chứng nhận để hai bên làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sử dụng đất đối với phần được hưởng theo di chúc cụ L để lại nhưng ông C không đồng ý. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo di chúc của cụ L vì các bên có tranh chấp, ông C không hợp tác cung cấp giấy tờ để bà làm thủ tục xác lập quyền sở hữu.

Bị đơn ông Vương Văn C trình bày: Ông và cụ L có quan hệ họ hàng cụ L là người không có chồng con nên trước khi chết cụ L có định đoạt tài sản là quyền sử dụng diện tích 216m2 tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 01 được UBND huyện Gia Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ L với nội dung cho con nuôi là bà Vương Thị T và ông mỗi người ½ diện tích đất này. Sau khi cụ L chết, bà T có sang gặp đề nghị cung cấp giấy chứng nhận và cùng nhau làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đối với phần diện tích đất đã được cụ L cho. Tuy nhiên do giấy chứng nhận ông lưu giữ đã bị mất nên không còn để cung cấp theo yêu cầu của bà T, bản thân ông xác định tôn trọng di chúc của cụ L, cụ L cho ai thế nào thì được hưởng như vậy và tự có trách nhiệm để xác lập quyền sử dụng cho mình chứ không liên quan đến nhau. Giữa ông và bà T không có tranh chấp thể hiện việc bà T đã đo đạc xây tường ranh giới ngăn cách giữa hai phần đất theo nội dung di chúc của cụ L. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T ông không nhất trí vì ông không tranh chấp gì với bà T.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết

Bị đơn ông Vương Văn C vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án cấp phát văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp phải giải quyết:

Cụ Vương Thị L, sinh năm 1933 khi còn sống không có chồng và không có con đẻ, chỉ nhận bà T là con nuôi duy nhất. Cụ L có diện tích đất 216m^2 đất tại thửa số 337, tờ bản đồ số 1, thôn KL, xã TH, huyện Gia Lộc (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương, trong đó có 144m^2 đất ở và 72m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/6/2006, cụ L đã mời đại diện gia đình, Trưởng thôn KL đến UBND xã TH để làm di chúc để lại cho bà T diện tích đất ở là 72 m^2, diện tích đất 03 là 36 m^2 và để lại cho ông Vương Văn C diện tích đất ở là 72 m^2,

diện tích đất 03 là 36 m^2. Di chúc này được lập thành văn bản có điểm chỉ và chữ ký của cụ L, có sự chứng kiến của ông Vương Văn B - Trưởng thôn KL, đại diện gia đình là ông Vương Văn H và bà T, có chứng thực của UBND xã TH.

Ngày 25/7/2006 cụ L chết, đến ngày 22/9/2006 UBND huyện Gia Lộc đã cấp Giấy CCNQSD đất thửa đất nói trên số AC 355505, số vào sổ cấp GCNQSD đất H 907/TH-GL ngày 22/9/2006 với diện tích 216m^2 mang tên cụ L và được giao cho ông Vương Văn C.

Bà T đã yêu cầu ông C đưa GCNQSD đất nêu trên để làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế nhưng ông C không đưa dẫn đến tranh chấp. Bà T đã đề nghị chính quyền thôn KL và UBND xã TH giải quyết nhưng không thành.

Xét thấy: Di chúc của cụ L được lập là hợp pháp, tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức và nội dung di chúc theo các Điều 625-628, 630, 631, 635, 636 của Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực kể từ ngày mở thừa kế - 25/7/2006.

Không có người được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo quy định tại Điều 644 của Bộ luật dân sự.

Tuy ông C khai không có tranh chấp di sản thừa kế với bà T, tuy nhiên, ông lấy lý do bản gốc Giấy CNQSD đất do UBND huyện Gia Lộc cấp cho cụ L bị mất, chỉ còn bản sao dẫn đến bà T không làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất mới theo quy định đối với tài sản phải đăng ký quyền sử dụng. Vì vậy cần xác định bà T phải khởi kiện để được hưởng quyền thừa kế tài sản là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về án phí và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản tại phiên tòa bà T tự nguyện chịu cả nên không đặt ra giải quyết. Đối với án phí các đương sự được hưởng di sản phải chịu án phí theo giá ngạch trên phần giá trị tài sản được hưởng.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng 625-628, 630, 631, 635, 636, 643 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 147 BLTTDS, Luật số 97 về phí và lệ phí ; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khoá 14 về mức thu án, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị T:

Giao cho bà Vương Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị C) phần tài sản được hưởng theo di chúc là quyền sử dụng 114,4m2 đất trong đó đất ở 72m^2 trị giá 252.000.000đ và đất trồng cây lâu năm 42,4m2 trị giá 84.800.000đ tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương; tổng trị giá 336.800.000đ. Diện tích đất có các cạnh sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông của xã dài 3,30m; cạnh phía Nam dài 5,20m; cạnh phía Đông dài 27,20m; cạnh phía Tây là tường bà T đã tự xây dựng nằm trên diện tích được giao đồng thời là đường ranh giới phân chia (đường ranh giới phân chia là mép ngoài tường xây giáp với phần đất của ông C) dài 26,70m.

Giao cho ông Vương Văn C phần tài sản được hưởng theo di chúc là quyền sử dụng 111,9m2 đất trong đó đất ở 72m2 trị giá trị giá 252.000.000đ và đất trồng cây lâu năm 39,9m2 trị giá 79.800.000đ tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương; tổng trị

giá 331.800.000đ. Diện tích đất có các cạnh sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông của xã dài 3,30m; cạnh phía Nam dài 5,20m; cạnh phía Tây dài 26,20m; cạnh phía Đông là ranh giới phân chia dài 26,70m.

Buộc bà Vương Thị T phải trả sang cho ông Vương Văn C giá trị 1,25m2 đất trồng cây lâu năm do được chia nhiều hơn số tiền 2.500.000đ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T (Vương Thị T) phải chịu 16.715.000đ án phí dân sự. Được trừ vào số tiền 5.000.000đ bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2014/0002866 ngày 12/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 11.715.000đ. Ông Vương Văn C phải chịu 16.715.000đ án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Vương Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án ông C đã nhiều lần vắng mặt vì lý do ông cho rằng không có tranh chấp như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt và triệu tập ông C đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến ngày 21/9/2017 vẫn với lý do ông không có tranh chấp nên không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào 13 giờ 30 phút ngày 29/9/2017 đồng thời tống đạt quyết định hoãn và triệu tập lại đối với ông C. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt với lý do không có tranh chấp và không đến Tòa án nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông C là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Vương Thị L cư trú tại thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương, do không có chồng, con, bố mẹ đã chết từ lâu nên đã lập di chúc ngày 20/6/2006 định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất của mình tại cùng địa chỉ cư trú cho bà Vương Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị T) là con nuôi và ông Vương Văn C là cháu. Ngày 25/7/2006 cụ L chết nên thời điểm mở thừa kế được xác định là ngày 25/7/2006 và địa điểm mở thừa kế là địa chỉ cư trú của cụ L. Tuy nhiên, giữa bà T và ông C không tự thỏa thuận với nhau về thủ tục xác lập quyền sử dụng đối với tài sản đã được cụ L định đoạt trong di chúc, bản thân bà T cũng đã nhiều lần đề nghị chính quyền thôn KL và UBND xã TH tiến hành hòa giải để các bên giải quyết tranh chấp nhưng ông C đều không chấp hành (biên bản đề nghị UBND xã TH của trưởng ban hòa giải thôn KL ngày 11/6/2016 và biên bản làm việc UBND xã TH lập ngày 01/7/2016) nên xác định giữa bà T và ông C có tranh chấp liên quan đến chia di sản thừa kế theo di chúc. Bà Vương Thị T khởi kiện sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên việc ông C cho rằng thời hiệu khởi kiện chỉ có 10 năm là không đúng. Căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 688 và Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của bà T được áp dụng thời hiệu là 30 năm kể từ ngày cụ L chết.

[3] Về tính hợp pháp của di chúc: Cụ L lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng là ông Vương Văn B là trưởng thôn; có chứng thực của UBND xã

TH. Việc lập di chúc của cụ L là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép và hoàn toàn minh mẫn sáng suốt khi lập di chúc đã điểm chỉ và ký tên vào di chúc. Nội dung di chúc thể hiện ý chí của cụ L đối với tài sản định đoạt được mô tả rõ ràng, cụ thể không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Bản thân bà T và ông C cũng đều xác định tôn trọng nội dung di chúc. Như vậy, di chúc cụ L lập phù hợp với quy định tại Điều 624, Khoản 1 Điều 625, Khoản 2 Điều 626, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 628, Khoản 1 Điều 630, Khoản 1 Điều 631 nên được xác định là di chúc hợp pháp.

[4] Về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và cách phân chia: Xuất phát từ việc ông Vương Văn C không hợp tác cùng bà Vương Thị T để cùng làm thủ tục xác lập quyền sử dụng đất là tài sản nhận được theo di chúc của cụ L để lại tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền với lý do ông C đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ L được xác định là có tranh chấp như nhận định ở phần [2]. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì một mình bà T tiến hành làm thủ tục khi không đầy đủ giấy tờ sẽ không thực hiện được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà T để phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ L đã định đoạt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người được hưởng di sản. Trên thực tế, diện tích đất là di sản thừa kế cụ L để lại là đất trống không có ai sử dụng nằm tiếp giáp với diện tích đất ông C đang sử dụng, bản thân ông C đã tự xây tường bao phía trước phần đất này, trước thời điểm khởi kiện bà T cũng đã tiến hành tự đo đạc để xây tường móng ngăn đôi diện tích đất của cụ L đã định đoạt cho các bên. Nội dung này được chính bản thân ông C thừa nhận và quan điểm của ông tôn trọng việc bà T đã xây dựng tường ngăn cách và không có ý kiến gì về cách phân chia. Việc bà T đã xây tường móng ngăn cách đảm bảo diện tích cho hai bên và về cơ bản phù hợp với diện tích đất cụ L cho. Tuy nhiên, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L cơ quan chuyên môn xác định đúng độ dài các cạnh nhưng thể hiện số diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị sai. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ tiến hành đo vẽ bằng máy về các cạnh của thửa đất phù hợp với giấy chứng nhận nhưng số diện tích có tăng lên 10.3m2 so với số ghi diện tích tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Như vậy, về các cạnh không có sự thay đổi vẫn đảm bảo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp nhưng số ghi diện tích có sự nhầm lẫn nên HĐXX sẽ chấp nhận số diện tích thực tế là 226.3m2 là di sản của cụ L để lại để phân chia cho nguyên và bị đơn được hưởng. Theo hạn mức đất ở đã được cấp cho cụ L chỉ có 144m2 nên phần diện tích 10.3m2 đất do ghi sai số này sẽ được xác định là đất trồng cây lâu năm. Ý chí của cụ L là cho bà T và ông C mỗi người ½ diện tích bao gồm cả đất ở và đất trồng cây lâu năm; tuy nhiên để đảm bảo tôn trọng ranh giới bà T đã xây để làm đường ranh giới phân chia vẫn đảm bảo diện tích cho các bên, phần diện tích đất trồng cây lâu năm bà T được nhiều hơn sẽ phải trả sang cho ông C giá trị bằng tiền theo giá đã định là phù hợp. Cũng qua việc xem xét thẩm định tại chỗ xác định phía trước thửa đất giáp với đường giao thông, có 2,3m2 là đất giao thông thuộc Nhà nước quản lý nhưng ông C đã xây tường bao. Qua làm việc, UBND xã TH có quan điểm không đồng ý đề nghị hợp pháp hóa cho người sử dụng vì đất giao thông phục vụ lợi ích công cộng. Do vậy, HĐXX sẽ không xem xét đến diện tích đất này, đối với tường bao ông C đã xây phía trước diện tích được chia nằm trên đất

giao thông, quá trình giải quyết các bên không yêu cầu định giá đối với tường bao, bản thân ông C cũng đồng ý để bà T được sử dụng phần tường bao nằm phía trước diện tích đất là di sản được phân chia. Do vậy đối với tường bao sau này bà T sử dụng thì đề nghị ông C tự tháo dỡ hoặc đề nghị UBND xã TH can thiệp để đảm bảo giá trị sử dụng đối với phần diện tích đất của mình.

Đối với diện tích đất cụ L để lại có 72m2 đất trồng cây lâu năm (nay là 82,3m2) thời hạn sử dụng 20 năm tính từ năm 1993. Đến nay đã hết thời hạn sử dụng. Do vậy sau khi được phân chia, phần đất trồng cây lâu năm của ai được chia như thế nào thì người đó chịu trách nhiệm xin gia hạn thời gian sử dụng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

[5] Về án phí: Người được hưởng phần di sản thừa kế phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận.

Đối với chi phí thẩm định và định giá tài sản phía nguyên đơn tự nguyện chịu nên không xem xét.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 8, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 628, 630, 631, 634, 635 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Vương Thị T) về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất.

Xác nhận khối di sản thừa kế của cụ Vương Thị L định đoạt theo di chúc để phân chia là quyền sử dụng 226,3m2 đất, trong đó đất ở theo hạn mức là 144m2 và đất trồng cây lâu năm 82,3m2 tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 18 (Thửa cũ số 337, tờ bản đồ số 01) tại địa chỉ thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã được định giá 3.500.000đ/m2 đất ở và đất trồng cây lâu năm 2.000.000đ/m2.

Giao cho bà Vương Thị T (tên gọi khác Nguyễn Thị T) phần tài sản được hưởng theo di chúc là quyền sử dụng 114,4m2 đất trong đó đất ở 72m2 trị giá 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng) và đất trồng cây lâu năm 42,4m2 trị giá 84.800.000đ (Tám mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng) tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 18 (Thửa cũ số 337, tờ bản đồ số 01) tại địa chỉ thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương; tổng trị giá 336.800.000đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Diện tích đất có các cạnh sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông của xã dài 3,30m; cạnh phía Nam dài 5,20m; cạnh phía Đông dài 27,20m; cạnh phía Tây là tường bà T đã tự xây dựng nằm trên diện tích được giao đồng thời là đường ranh giới phân chia (đường

ranh giới phân chia là mép ngoài tường xây giáp với phần đất của ông C) dài 26,70m (có sơ đồ phân chia kèm theo).

Giao cho ông Vương Văn C phần tài sản được hưởng theo di chúc là quyền sử dụng 111,9m2 đất trong đó đất ở 72m2 trị giá trị giá 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng) và đất trồng cây lâu năm 39,9m2 trị giá 79.800.000đ (Bẩy mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 18 (Thửa cũ số 337, tờ bản đồ số 01) tại địa chỉ thôn KL, xã TH, thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương; tổng trị giá 331.800.000đ (Ba trăm ba mươi mốt nghìn tám trăm nghìn đồng). Diện tích đất có các cạnh sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông của xã dài 3,30m; cạnh phía Nam dài 5,20m; cạnh phía Tây dài 26,20m; cạnh phía Đông là ranh giới phân chia dài 26,70m (có sơ đồ phân chia kèm theo).

Buộc bà Vương Thị T phải trả sang cho ông Vương Văn C giá trị 1,25m2 đất trồng cây lâu năm do được chia nhiều hơn số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị phần di sản bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Vương Thị T) và ông Vương Văn C được hưởng bằng nhau là 334.300.000đ (Ba trăm ba mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Nguyễn Thị T (Vương Thị T) và ông Vương Văn C có nghĩa vụ thực hiện xác lập quyền sử dụng đối với phần tài sản là quyền sử dụng đất đã được phân chia theo di chúc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm phải làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T (Vương Thị T) phải chịu 16.715.000đ (Mười sáu triệu bẩy trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự. Được trừ vào số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) bà T (do chị Ch nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2014/0002866 ngày 12/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 11.715.000đ (Mười một triệu bẩy trăm mười lăm nghìn đồng). Ông Vương Văn C phải chịu 16.715.000đ (Mười sáu triệu bẩy trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (Vương Thị T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Vương Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền